|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG MẦM NON MƯỜNG VI  **LỚP MG 5-6 TUỔI TRƯỜNG CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DỤC NĂM HỌC 2024- 2025**

**LỚP MẪU GIÁO 5-6 TUỔI TRƯỜNG CHÍNH**

*Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo sửa đổi bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo*

*Căn cứ Quyết định số 2054/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Lào Cai, Quyết định ban hành khung, kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai;*

*Căn cứ Chương trình nhà trường đã thực hiện trong 01 năm qua với những kết quả đã đạt được;*

Căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương và nhà trường, lớp mẫu giáo 5 tuổi trường chính xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

**PHẦN MỘT**

**NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG**

**A. MỤC TIÊU CHUNG CỦA KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ emnhững chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

**B. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MẦM NON VÀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ**

**I. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC MẦM NON**

- Đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó; đảm bảo tính liên thông giữa các độ tuổi, giữa nhà trẻ, mẫu giáo và cấp tiểu học; thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ, chuẩn bị cho trẻ từng bước hòa nhập vào cuộc sống.

- Phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em, hài hòa giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khỏe mạnh, nhanh nhẹn; cung cấp kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi; giúp trẻ em biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với ông bà, cha mẹ, thầy giáo, cô giáo; yêu quý anh, chị, em, bạn bè; thật thà, mạnh dạn, tự tin và hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, thích đi học.

**II. YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MẦM NON**

- Đối với giáo dục nhà trẻ, phương pháp giáo dục phải chú trọng giao tiếp thường xuyên, thể hiện sự yêu thương và tạo sự gắn bó của người lớn với trẻ; chú ý đặc điểm cá nhân trẻ để lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp, tạo cho trẻ có cảm giác an toàn về thể chất và tinh thần; tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được tích cực hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật và vui chơi, kích thích sự phát triển các giác quan và các chức năng tâm - sinh lý; tạo môi trường giáo dục gần gũi với khung cảnh gia đình, giúp trẻ thích nghi với nhà trẻ.

- Đối với giáo dục mẫu giáo, phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh và ***bản sắc văn hóa địa phương vùng miền*** dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, thử nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ. Kết hợp hài hòa giữa giáo dục trẻ trong nhóm bạn với giáo dục cá nhân, chú ý đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp. Tổ chức hợp lí các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp, phù hợp với độ tuổi của nhóm/lớp, với khả năng của từng trẻ, với nhu cầu và hứng thú của trẻ và với điều kiện thực tế.

**PHẦN HAI**

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MẪU GIÁO**

**A. MỤC TIÊU**

Kế hoạch giáo dục mẫu giáo của trường mầm non Mường Vi nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

**I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.

- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.

- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

- Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.

- Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

**II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC**

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

**III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ**

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ…).

- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.

- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.

**IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI**

- Có ý thức về bản thân.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

- Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

- Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

**V. PHÁT TRIỂN THẨM MĨ**

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

**B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN GIÁO DỤC**

**I. PHÂN PHỐI THỜI GIAN**

***Chương trình thiết kế cho 35 tuần ( từ ngày 6/9/2024- 31/5/2025) mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng đối với lớp Mẫu giáo của nhà trường. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt phù hợp với sự phát triển của trẻ Mẫu giáo.***

\* Học kỳ I: thực học 18 tuần, còn lại dành cho các hoạt động khác.

+ Bắt đầu: ngày 06/9/2024;

+ Kết thúc: trước ngày 18/01/2025.

\* Học kỳ II: Thực học 17 tuần, còn lại dành cho nghỉ Tết Nguyên đán và các hoạt động khác.

+ Bắt đầu: ngày 20/01/2025;

+ Kết thúc: trước ngày 31/5/2025

+ *Nghỉ Tết âm lịch Ất Tỵ: N*ghỉ từ ngày 24/01/2025 đến hết ngày 06/02/2025, tức từ ngày 25 tháng Chạp năm Át Tỵ đến hết ngày 09 tháng Giêng năm Ất Tỵ

+ *Các ngày nghỉ khác:* thực hiện theo quy định chung đối với cán bộ, côngchức và người lao động, cụ thể: Tết Dương lịch (01/01); ngày Giỗ tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch); ngày Lễ chiến thắng (30/4); ngày Quốc tế Lao động (01/5) và ngày Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam (02/9) được nghỉ 02 ngày. Nếu ngày nghỉ lễ, tết trùng ngày nghỉ cuối tuần thì được nghỉ bù vào ngày làm việc kế tiếp theo quy định.

**II. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT**

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày ***một cách hợp lí tại nhà trường*** nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ vùng cao vùng DTTS, qua đó giúp trẻ hình thành thái độ, nền nếp, thói quen tốt và những kỹ năng sống tích cực.

**CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ MẪU GIÁO**

*- Ăn 1 bữa chính và 1 bữa phụ*

*- Ngủ 1 giấc trưa*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mùa hè** | | **Mùa đông** | |
| **Thời gian** | **Hoạt động** | **Thời gian** | **Hoạt động** |
| ***7h15-8h00*** | Đón trẻ | ***7h15-8h15*** | Đón trẻ |
| ***8h00-8h20*** | Thể dục sáng | ***8h15-8h30*** | Thể dục sáng |
| ***8h20-8h35*** | LQTV | ***8h30-8h45*** | LQTV |
| ***8h35- 9h05*** | Hoạt động học | ***8h45- 9h15*** | Hoạt động học |
| ***9h05- 10h00*** | Chơi, hoạt động ở các góc | ***9h15-10h10*** | Chơi, hoạt động ở các góc |
| ***10h-10h30*** | Hoạt động ngoài trời | ***10h10-10h40*** | Hoạt động ngoài trời |
| ***10h30-11h30*** | Ăn bữa chính | ***10h40-11h40*** | Ăn bữa chính |
| ***11h20- 14h*** | Ngủ trưa | ***11h40- 14h15*** | Ngủ trưa |
| ***14h15-14h50*** | Ăn bữa phụ | ***14h30-15h*** | Ăn bữa phụ |
| ***14h50-16h*** | Chơi HĐ theo ý thích | ***15h-15h50*** | Chơi HĐ theo ý thích |
| ***16h-17h*** | Trả trẻ | ***15h50-16h50*** | Trả trẻ |

**C. NỘI DUNG**

**I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ**

1.Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:

+ Nhu cầu năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 Kcal.

+ Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50% nhu cầu cả ngày*:****615*** Kcal.

- Số bữa ăn tại cơ sở: Một bữa chính và một bữa phụ.

+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp 15% năng lượng cả ngày.

+ Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 27% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

**3. Vệ sinh**

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lí rác, nước thải.

**4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn**

- Khám sức khỏe định kỳ 2 lần / năm học. cân, đo 3 lần / năm học. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

**II. GIÁO DỤC**

**1. Giáo dục phát triển thể chất**

Nội dung giáo dục phát triển thể chất bao gồm: phát triển vận động và giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.

*a) Phát triển vận động*

-  Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.

- Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.

- Các cử động bàn tay, ngón tay và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

*b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe*

- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thư­ờng và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.

- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.

- Giữ gìn sức khỏe và an toàn.

**NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI**

*a) Phát triển vận động*

| **Nội dung** | **5 - 6 tuổi** |
| --- | --- |
| **1.**  **Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp** |
| - Tay:  + ***Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân tập với quạt hoặc khăn von).***  + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. |
| - Lưng, bụng, lườn:  + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.  + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.  + + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. |
| - Chân:  + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.  + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau. |
| **2.** **Các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động** | - Đi và chạy:  + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuỵu gối.  + Đi nối bàn chân tiến, lùi.  + Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh.  ***+ Chạy 15m trong khoảng 10 giây.***  ***+ Chạy chậm khoảng 80 - 100m.*** |
| - Bò, trườn, trèo:  ***+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 3m-4m.***  + Bò dích dắc qua 7 điểm.  + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.  + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài1,5m x 30cm.  + Trèo lên xuống 7 gióng thang. |
| - Tung, ném, bắt:  + Tung bóng lên cao và bắt.  + Tung, đập bắt bóng tại chỗ.  + Đi và đập bắt bóng.  + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.  + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay.  + Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân. |
| - Bật - nhảy:  + Bật liên tục vào vòng.  + Bật xa 40 - 50cm.  + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm).  + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô.  + Bật qua vật cản 12 - 15cm.  + Nhảy lò cò 5m. |
| **3.** **Các cử động của bàn tay, ngón** **tay, phối hợp tay-mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ** | - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.  - Bẻ, nắn.  - Lắp ráp.  - Xé, cắt đường vòng cung.  - Tô, đồ theo nét.  - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), xâu, luồn, buộc dây. |

*b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **5 - 6 tuổi** |
| **1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe** | - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.  - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.  - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.  - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…). |
| **2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt** | - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.  - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. |
| **3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn** | - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.  - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.  - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết.  - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.  - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.  - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.  - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. |

**2. Giáo dục phát triển nhận thức**

*a) Khám phá khoa học*

- Các bộ phận của cơ thể con người.

- Đồ vật.

- Động vật và thực vật.

- Một số hiện tượng tự nhiên.

*b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán*

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.

- Xếp tương ứng.

- So sánh, sắp xếp theo qui tắc.

- Đo lường.

- Hình dạng.

- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.

*c) Khám phá xã hội*

- Bản thân, gia đình, họ hàng và cộng đồng.

- Trường mầm non.

- Một số nghề phổ biến.

- Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ, hội.

**NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI**

1. *Khám phá khoa học*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **5 - 6 tuổi** |
| **1. Các bộ phận của cơ thể con người** | Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. |
| **2. Đồ vật:**  *Đồ dùng, đồ chơi*  *Phương tiện giao thông* | - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.  - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.  - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.  - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.  -Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu. |
| **3. Động vật và thực vật** | - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.  - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.  - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.  - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu.  - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.  - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. |
| **4. Một số hiện tượng tự nhiên:**  *Thời tiết, mùa* | - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.  - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. |
| *Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng* | Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. |
| *Nước* | - Các nguồn nước trong môi trường sống.  - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.  - Một số đặc điểm, tính chất của nước.  - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước |
| *Không khí, ánh sáng,* | Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. |
| *Đất đá, cát, sỏi* | Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. |

1. *Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **5 - 6 tuổi** |
| **1**. **Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm** | - Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.  - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.  - Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.  - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..). |
| **2. Xếp tương ứng** | Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan. |
| **3.** **So sánh, sắp xếp theo qui tắc** | - So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.  - Tạo ra qui tắc sắp xếp.  ***To nhỏ; dài - ngắn; cao - thấp; rộng - hẹp (3 đối tượng)*** |
| **4. Đo lường** | - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau.  - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.  - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. |
| **5. Hình dạng** | - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.  - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.  - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau. |
| **6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian** | - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.  - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.  - Gọi tên các thứ trong tuần |

1. *Khám phá xã hội*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **5 - 6 tuổi** |
| **1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng** | - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.  - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên  Trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của ga đình, địa chỉ của gia đình.  - Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.  - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. |
| **2. Một số nghề trong xã hội** | Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. |
| **3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa** | ***Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước và của bản sắc địa phương Mường Vi.*** |

**3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ**

*a) Nghe*

- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.

- Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

*b) Nói*

- Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.

- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.

- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.

- Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.

- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.

*c) Làm quen với việc đọc, viết*

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.

- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống.

- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách.

***- Làm quen với bộ công cụ hỗ trợ đọc viết ELM.***

**NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **5 - 6 tuổi** |
| **1. Nghe** | - Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.  - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.  - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.  - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.  - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. |
| **2. Nói** | - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.  - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.  - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?.  - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?.  - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.  - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.  - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.  - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.  - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.  - Kể lại sự việc theo trình tự.  - Đóng kịch. |
| **3. Làm quen với đọc, viết** | - Làm quen với một số ký hiệu thông thư­ờng trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)  - Nhận dạng các chữ cái.  - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.  - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.  - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:  + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dư­ới.  + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.  - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.  - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.  - Giữ gìn, bảo vệ sách. |

**4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội**

*a) Phát triển tình cảm*

- Ý thức về bản thân.

- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tư­ợng xung quanh.

*b) Phát triển kỹ năng xã hội*

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

- Quan tâm bảo vệ môi trường.

**NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **5 - 6 tuổi** |
| **1. Phát triển tình cảm**  *- Ý thức về bản thân*  *- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh* | - Sở thích, khả năng của bản thân.  - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.  - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.  - Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).  - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.  - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.  - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.  - Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.  - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.  - ***Kiểm soát cảm xúc của bản thân.***  - Kính yêu Bác Hồ.  - ***Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.***  - Quan tâm và giữ gìn bảo tồn bản sắc văn hóa người Giáy, Dao |
| **2. Phát triển kỹ năng xã hội**    ***-*** *Hành vi và quy tắc ứng xử**xã hội* | - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).  - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.  - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận  - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. |
| *- Quan tâm đến môi trường* | - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.  - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.  ***- Không nghe lời và đi theo người lạ...; Biết xử lí một số tình huống đơn giản khi gặp nạn.***  - Tiết kiệm điện, nước. |

**5. Giáo dục phát triển thẩm mĩ**

a) Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.

b) Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).

c) Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).

**NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **5 - 6 tuổi** |
| **1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.** | Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.  Cảm nhận tốt nét đa văn hóa rõ nét thông qua giáo dục âm nhạc |
| **2.** **Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình**. | - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển).  - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.  - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.  - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.  - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.  - Phối hợp các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.  - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục. |
| **3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật** (âm nhạc, tạo hình) | - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.  - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).  - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.  - Trẻ thiết kế, chế tạo ra một số sản phẩm (EDP) |

**D. KẾT QUẢ MONG ĐỢI (MỤC TIÊU CUỐI ĐỘ TUỔI)**

**I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**

*a) Phát triển vận động*

| **Kết quả mong đợi** | **5 - 6 tuổi** |
| --- | --- |
| **1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp** | Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp. |
| **2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động** | 2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:  - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m.  - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục.  - Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây. |
| 2.2. Kiểm soát được vận động:  Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh ***(đổi hướng ít nhất 2 lần).*** |
| 2.3 Phối hợp tay- mắt trong vận động:  *-* ***Bắt và ném bóng với người đối diện ( khoảng cách 3 m).***  ***- Ném trúng đích đứng (xa 1,8 m x cao 1,4 m).***  ***- Đi, đập và bắt được bóng nảy 3 lần liên tiếp.*** |
|  | 2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:  ***- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 18 giây.***  *- Ném trúng đích đứng (cao 1,4 m,* xa 2m).  - Bò vòng qua 5 - 6 điểm dích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu. |
| **3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt** | 3.1. Thực hiện được các vận động:  - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay.  - Gập, mở lần lượt từng ngón tay. |
| 3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:  - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.  - Cắt được theo đường viền của hình vẽ.  ***- Xếp chồng 12 khối theo mẫu.***  - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.  - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya). |

*b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe*

| **Kết quả mong đợi** | **5 - 6 tuổi** |
| --- | --- |
|  | ***Trẻ có cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi:***  ***+ Trẻ trai: Cân nặng từ 16.1 đến 21,1 (Kg); Chiều cao từ 105 đến 125 (Cm)***  ***+Trẻ gái: Cân nặng từ 15,7 đến 18,3 (Kg); Chiều cao từ 104,5 đến 120 (Cm)*** |
| **1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe** | 1.1. Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:  - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá...  - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả… |
|
| 1.3. Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe. |
| **2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt** | 2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản:  - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.  - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.  - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giật nước cho sạch. |
| 2.2. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo. |
| **3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe** | 3.1. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:  - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.  - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.  - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.  ***- Không uống nước lã nước khe suối, ăn quà vặt ngoài đường.*** |
| 3.2. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:  - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.  - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.  - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....  - Che miệng khi ho, hắt hơi.  - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.  - Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp. |
| **4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh** | 4.1. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng....là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn. |
| ***4.2. Biết những nơi như: đồi núi cao, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.*** |
| 4.3. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:  - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,.... |
|  | - Biết không tự ý uống thuốc.  - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe. |
| 4.4. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ:  - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu...  - Biết tránh một số trường hợp không an toàn:  + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.  + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. |
| - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. |
| 4.5. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:  - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.  - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.  ***- Không leo trèo cây, đồi núi đá, tường rào...*** |

**II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC**

*a) Khám phá khoa học*

| **Kết quả mong đợi** | **5 - 6 tuổi** |
| --- | --- |
| **1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng** | 1.1. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?... |
| 1.2  . Phối hợp các giác  quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng. |
| Trẻ khám phá, thực hành, trải nghiệm, thử nghiệm tốt với các con vật, đồ vật xung quanh  (5 E) |
| 1.3. Làm thử nghiệm  và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển. |
| 1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận. |
| 1.5. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau. |
| **2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản** | 2.1. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”. |
| 2.2.Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. |
| **3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau** | 3.1. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. |
| 3.2. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình... |

*b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán*

| **Kết quả mong đợi** | **5 - 6 tuổi** |
| --- | --- |
| **1. Nhận biết số đếm, số lượng** | 1.1. Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?... |
| 1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. |
| 1.3. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất. |
| 1.4. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. |
| 1.5. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau. |
| 1.6. Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. |
| 1.7. Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. |
| **2. Sắp xếp theo qui tắc** | 2.1. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. |
| 2.2. Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. |
| 2.3. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp. |
| **3. So sánh hai đối tượng** | ***Sử dụng được******dụng cụ đơn giản để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.*** |
| **4. Nhận biết hình dạng** | Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật. |
|
| **5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian** | 5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. |
| 5.2. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm. |

*c) Khám phá xã hội*

| **Kết quả mong đợi** | **5 - 6 tuổi** |
| --- | --- |
| **1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng** | 1.1. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. |
| 1.2. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. |
| ***1.3. Nói địa chỉ gia đình mình (thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) … khi được hỏi, trò chuyện.*** |
| 1.4. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. |
|  | 1.5. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. |
|  | 1.6. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. |
| **2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương** | Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...” |
| **3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh** | ***3.1. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) bố mẹ nghỉ làm và cho em đi chơi công viên huyện thành phố; ngày hội ném còn người Giáy…”.*** |
| 3.2. Kể tên và nêu một vài nét đặc điểm của danh lam, thắng cảnh, của quê hương, đất nước. và của địa phương |

**III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ**

| **Kết quả mong đợi** | **5 - 6 tuổi** |
| --- | --- |
| **1.Nghe hiểu lời nói** | 1.1. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”. |
|  | 1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,..). |
|  | 1.3. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.  ***1.4 Nghe, hiểu được một số từ, câu tiếng anh đơn giản phù hợp với độ tuổi*** |
| **2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày** | 2.1. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. |
| 2.2. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,… phù hợp với ngữ cảnh. |
| 2.3. Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,… |
| 2.4. Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật. |
| 2.5. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao… |
| 2.6. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện. |
| 2.7. Đóng được vai của nhân vật trong truyện. |
| 2.8. Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng… phù hợp với tình huống. |
|  | 2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh. |
| **3. Làm quen với việc đọc - viết** | 3.1. Chọn sách để “đọc” và xem. |
| 3.2. Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân. |
| 3.3. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách. |
| 3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông... |
| 3.5. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt. |
| 3.6. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. |

**IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI**

| **Kết quả mong đợi** | **5 - 6 tuổi** |
| --- | --- |
| **1. Thể hiện ý thức về bản thân** | 1.1. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại. |
| 1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được. |
| 1.3. Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng). |
| 1.4**.** Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình. |
| 1.5. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức. |
| **2. Thể hiện sự tự tin, tự lực** | 2.1. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...). |
| 2.2. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. |
| **3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh** | 3.1. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác. |
| 3.2. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. |
| 3.3. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè. |
| 3.4. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...) |
|  | 3.5. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. |
|  | 3.6. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn…) của quê hương, đất nước. |
| **4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội** | 4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép. |
| 4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. |
| 4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác. |
| 4.4. Biết chờ đến lượt. |
| 4.5. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn. |
| 4.6. Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn). |
| **5. Quan tâm đến môi trường** |
| 5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.  5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định. |
| 5.3. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...). |
| 5.4. Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn. |

**V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Kết quả mong đợi** | **5 - 6 tuổi** |
| **1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật** | .1. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.  Cảm nhận tốt nét đa văn hóa thông qua giáo dục âm nhạc,  1.2. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh hoạ phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.  1.3. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình. |
| **2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình** | 2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...  2.2. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).  2.3. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.  2.4. Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.  2.5. Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.  - Trẻ thiết kế, chế tạo ra một số sản phẩm (EDP)  2.6. Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.  2.7. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.  2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục. |
| **3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật** (âm nhạc, tạo hình) | 3.1. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.  3.2. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. |

**\* DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ LỚN** | **CHỦ ĐỀ NHỎ** | **THỜI GIAN** | |
| **TUẦN** | **TỪ NGÀY** |
| **HỌC KỲ I** | | | |
| Trường mầm non  (4 tuần) | Cô giáo và các bạn | 1 | Ngày 16-20/9/2024 |
| Tết trung thu | 2 | Ngày 23-27/9/2024 |
| Đồ dùng đồ chơi của lớp | 3 | Ngày 30/9-04/10/2024 |
| Trường mầm non của bé | 4 | Ngày 7-11/10/2024 |
| Bản thân  (3 tuần) | Bé là ai | 5 | Ngày 14-18/10/2024 |
| Cơ thể của bé | 6 | Ngày 21-25/10/2024 |
| Bé cần gì lớn lên để khỏe mạnh? | 7 | Ngày 28-01/11/2024 |
| Gia đình  (4 tuần) | Gia đình của bé | 8 | Ngày 4/11-8/11/2024 |
| Bé và những người thân yêu của bé | 9 | Ngày 11- 15/11/2024 |
| Ngôi nhà gia đình ở | 10 | Ngày 18- 22/11/2024 |
| Đồ dùng trong gia đình bé | 11 | Ngày 25-29/11/2024 |
| Động vật  (4 tuần) | Động vật sống trong gia đình | 12 | Ngày 02-6/12/2024 |
| Động vật sống dưới nước | 13 | Ngày 9- 13/12/2024 |
| Động vật sống trong rừng | 14 | Ngày 16-20/12/2024 |
| Côn trùng và chim | 15 | Ngày 23-27/12/2024 |
| Thực vật  (5 tuần) | Một số loại hoa | 16 | Ngày 30/12-03/01/2025 |
| Một số loại quả | 17 | Ngày 6/01-10/01/2025 |
| Cây xanh quanh bé | 18 | Ngày 13/01-17/01/2025 |
|  |  |  |
|  | **HỌC KỲ II** | | |
|  | Tết nguyên đán và mùa xuân | 19 | Ngày 20/01-23/01/2025 |
| Từ 24/01 đến 6/02 nghỉ tết Nguyên đán | | | |
|  | Rau của quả | 20 | Ngày 7 /02/2025 |
| Nghề nghiệp  ( 4 tuần) | Một số nghề phổ biến | 21 | Ngày 10-14/02/2025 |
| Nghề truyền thống ở địa phương | 22 | Ngày 17- 21/02/2025 |
| Nghề sản xuất | 23 | Ngày 24 -28/02/2025 |
| Nghề dịch vụ | 24 | Ngày 03-7/3/2025 |
| Giao thông  (3 tuần) | Động vật trong GĐ | 25 | Ngày 10-14/3/2024 |
| PTGT đường thủy, đường hàng không | 26 | Ngày 17-21/3/2025 |
| Một số luật lệ giao thông | 27 | Ngày 24-28/3/2025 |
| Nước và một số HTTN (3 tuần) | Sự kỳ diệu của nước | 28 | Ngày 31/3-04/4/2025 |
| Một số hiện tượng thời tiết | 29 | Ngày 7-11/4/2025 |
| Các mùa trong năm | 30 | Ngày 14-18/4/2025 |
| Quê hương - đất nước - Bác Hồ  (3 tuần) | Quê hương, bản làng | 31 | Ngày 21-25/4/2025 |
| Đất nước diệu kỳ | 32 | Ngày 28/4- 02/5/2025 |
| Bác Hồ kính yêu | 33 | Ngày 5/5 -9/5/2025 |
| Trường tiểu học  ( 2 tuần) | Làm quen trường tiểu học | 34 | Ngày 12- 16/5/2025 |
| Đồ dùng học tập của học sinh lớp 1 | 35 | Ngày 19- 23/5/2025 |

**E. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**

**I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**1. Hoạt động chơi**

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.

- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.

- Trò chơi đóng kịch.

- Trò chơi học tập.

- Trò chơi vận động.

- Trò chơi dân gian.

- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

**2. Hoạt động học**

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

**3. Hoạt động lao động**

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà đ­ược sử dụng như­ một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

**4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân**

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

**II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:**

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.

- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 1/6), Ngày ra trường...).

**2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:**

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.

- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

**3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:**

- Tổ chức hoạt động cá nhân.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm.

- Tổ chức hoạt động cả lớp.

**III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**

**1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm**

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

**2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa *(quan sát, làm mẫu, minh hoạ)***

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

**3. Nhóm phương pháp dùng lời nói**

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

**4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ**

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

**5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá**

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

***6. Phương pháp giáo dục STEAM***

***- Steam là phương pháp trẻ học tập chủ yếu dựa trên thực hành và các hoạt động trải nghiệm sáng tạo.Trẻ được tiếp cận phương pháp giáo dục này có những ưu thế nổi bật như: khoa học, kỹ thuật, công nghệ và toán học, nghệ thuật chắc chắn, khả năng sáng tạo, tư duy logic, hiệu suất học tập và làm việc vượt trội và có cơ hội phát triển các kỹ năng mềm toàn diện hơn.***

***7. Phương pháp sử dụng bộ công cụ hỗ trợ trẻ mầm non làm quen với đọc viết và toán từ sớm (Thẻ ELM)***

***- ELM: gồm 120 thẻ hoạt động (trò chơi). Trong đó gồm 60 thẻ liên quan đến hoạt động đọc viết (EL) và 60 thẻ liên quan đến hoạt động toán (EM)***

***- Giáo viên sử dụng bộ thẻ linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với đối tượng trẻ, hoạt động,...***

**IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG**

**1. Môi trường vật chất**

*a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp*

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung, chủ đề giáo dục.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lí, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu qui định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

*b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:*

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.

- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.

- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây ăn quả và khu vườn rau

**2. Môi trường xã hội**

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lí, tạo thuận lợi giáo dục các kĩ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

**G. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ**

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

**I. ĐÁNH GIÁ TRẺ HẰNG NGÀY**

**1. Mục đích đánh giá**

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

**2. Nội dung đánh giá**

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.

- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.

- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

**3. Phương pháp đánh giá**

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.

- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.

- Sử dụng tình huống.

- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.

- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

**II. ĐÁNH GIÁ TRẺ CUỐI CHỦ ĐỀ/THÁNG**

1. **Mục đích đánh giá**

***Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng chủ đề trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho chủ đề tiếp theo.***

**2. Nội dung đánh giá**

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kĩ năng xã hội, thẩm mĩ.

**3. Phương pháp đánh giá**

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.

- Trò chuyện với trẻ.

- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.

- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.

- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

***Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ ( sổ đánh giá trẻ) và hô sơ GVCN ( phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ kẹp sau giáo án của chủ đề)***

**4. Thời điểm và căn cứ đánh giá**

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.

- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

- Đánh giá sự phát triển của trẻ cuối độ tuổi được “tiến hành” vào tháng cuối cùng của năm học (“tiến hành” không có nghĩa lúc này mới đánh giá/trẻ). Tùy theo khả năng của GV, có thể:

+ Giáo viên có thể tổng hợp tất cả kết quả các mục tiêu giáo dục của năm học thông qua đánh giá hằng ngày, các chủ đề/tháng thành Phiếu đánh giá cuối độ tuổi của trẻ.

+ Căn cứ vào MTGD trẻ theo kế hoạch GD năm học (mục tiêu GD đã được xây dựng dựa trên kết quả mong đợi), các GV, CBQL của nhà trường, CBQL ngành học có liên quan lựa chọn từ 30 – 40 MTGD làm căn cứ xây dựng thành phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ. Các mục tiêu được lựa chọn phải đảm bảo đầy đủ các lĩnh vực phát triển, đáp ứng những định hướng phát triển trẻ của từng địa phương.

- Các phương pháp đánh giá sự phát triển của trẻ cuối độ tuổi tuỳ thuộc vào sự lựa chọn và sử dụng của giáo viên sao cho phù hợp nhất với điều kiện, hoàn cảnh hiện tại.

- Giáo viên có thể sử dụng kết quả đánh giá trẻ hằng ngày và đánh giá trẻ theo chủ đề/tháng để làm cơ sở đánh giá sự phát triển của cá nhân trẻ cuối độ tuổi.

- Kết quả đánh giá được ghi vào phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ, được lưu vào hồ sơ cá nhân và thông báo với cha mẹ trẻ để phối hợp chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường và ở gia đình. Đồng thời, giáo viên sử dụng kết quả này trao đổi với đồng nghiệp để điều chỉnh kế hoạch giáo dục, trao đổi với giáo viên khi trẻ chuyển lớp, chuyển trường và cùng phối hợp đề xuất các biện pháp giáo dục phù hợp ở GĐ tiếp theo.

- Kết quả đánh giá trẻ không dùng:

+ Xếp loại trẻ,

+ So sánh giữa các trẻ

+ Tuyển chọn trẻ vào lớp một

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 của lớp mẫu giáo 5-6 tuổi trường chính.

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**  **Giáo viên** | **BGH PHÊ DUYỆT**  **P. Hiệu trưởng** |

**Hoàng Thị Hà Phạm Thị Thuỳ Linh**

|  |
| --- |
| Một số nghề phổ biến |
| Nghề truyền thống ở địa phương |
| Nghề sản xuất |
| Nghề dịch vụ |